

PHÁT TRIỂN VỐN TỪ VỰNG ĐỂ ĐẠT ĐIỂM CAO TRONG THI NÓI VÀ VIẾT THEO TIÊU CHÍ NGUỒN TỪ VỰNG CỦA BÀI THI IELTS

NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG*

Ngày nhận bài: 18/08/2016; ngày sửa chữa: 24/08/2016; ngày duyệt đăng: 08/09/2016.

Abstract: The increasing demand in learning English to keep pace with international integration has been recognized, however, it is still challenging to work out the best method of language teaching satisfying different individuals of each university. At present, although students of University of Transport and Communications (UTC) have been aware of the importance of English and have been dreaming of catching the opportunities of obtaining governmental and overseas scholarship, they find it hard in getting IELTS certificates with scores as required, especially having adequate and various lexical resources to write academically and communicate well. This article aims at introducing some effective strategies in getting high scores in IELTS writing and speaking tests by satisfying lexical resource criteria.

Keywords: Learning English, IELTS, writing and speaking tests, scores, University of Transport and Communications.

Việc học ngoại ngữ được ví như là “xây dựng một ngôi nhà” và vốn từ vựng là “vôi vữa” để trát xung quanh cho ngôi nhà được vững chắc. Wilkins (2015) cũng nhấn mạnh rằng không có ngữ pháp rất thì ít thông tin được truyền đạt, nhưng nếu không có từ vựng thì không có một thông tin nào được truyền tải cả. Như vậy, từ vựng có tầm quan trọng hàng đầu của trong việc học một ngôn ngữ, bởi vì, tuy đó là một tế bào nhỏ nhưng lại là yếu tố cốt cán hình thành nên kĩ năng sử dụng ngôn ngữ của người học. Với vốn từ vựng phong phú, bản thân người học sẽ phát triển kĩ năng giao tiếp, viết luận cũng như diễn thuyết. Hơn thế nữa, nhờ có từ vựng mà người học có thể hiểu được ý tưởng của người khác cũng như diễn giải rõ ràng và súc tích những suy nghĩ của mình. Chính vì vậy, bài viết đề cập tầm quan trọng của việc hiểu và áp dụng tiêu chí từ vựng nhằm nâng cao điểm số của kĩ năng nói và viết theo tiêu chí nguồn từ vựng của bài thi IELTS.

1. Các tiêu chí cụ thể của yêu cầu về nguồn từ vựng cho bài nói và viết IELTS (xem bảng trang bên)

2. Các yếu tố ảnh hưởng đến tiêu chí từ vựng của bài nói và viết IELTS

Qua bảng thể hiện tiêu chí cụ thể của yêu cầu về nguồn từ vựng ở trên, có thể thấy, các yếu tố cơ bản như: khả năng vận dụng thành ngữ một cách tự nhiên và chính xác, khả năng sử dụng từ ít phổ biến, khả năng diễn giải, và khả năng sử dụng từ vựng đa dạng và hiệu quả ảnh hưởng rất nhiều đến điểm số của thí sinh trong bài nói và viết IELTS, trong đó:

2.1. Khả năng vận dụng thành ngữ nhằm đánh giá khả năng thí sinh về việc sử dụng những câu nói không thể hiểu theo nghĩa thông thường vì ý nghĩa của thành ngữ khác xa với ý nghĩa từng chữ một trong câu. Pell (2016) nhấn mạnh rằng việc kết hợp thành ngữ trong bài nói IELTS là không thể thiếu vì nó thể hiện trình độ học thuật của mình và để thể hiện trình độ đó rõ nhất là chỉ bằng vận dụng thành ngữ một cách tự nhiên và chính xác.

2.2. Khả năng diễn giải: là khả năng sử dụng đúng ngôn ngữ của mình để diễn giải ý hay thông điệp của người khác. Khi diễn giải, ý tưởng và ngữ nghĩa của câu gốc phải được giữ nguyên chỉ thay đổi từ mà thôi. Việc sử dụng linh hoạt các từ, cụm từ, cấu trúc có ý nghĩa tương tự nhau sẽ giúp thí sinh đạt điểm cao hơn. Chowdhury (2016), Gaga (2013) và Pell (2016) gợi ý diễn giải có thể thực hiện theo những cách sau: sử dụng từ đồng nghĩa - trong đó, để ghi ấn tượng mạnh mẽ với giám khảo việc sử dụng từ ít phổ biến (less common words) được đánh giá rất cao và ảnh hưởng lớn đến điểm số của thí sinh, thay đổi hình thái và trật tự từ, thay đổi cấu trúc câu bằng cấu trúc tương đương và đối với kĩ năng nói còn có thêm phương pháp Quên - Giải thích.

2.3. Khả năng sử dụng từ vựng đa dạng và hiệu quả: nhằm xem xét khả năng sử dụng các từ đa

* Trường Đại học Giao thông Vận tải

Điểm	Tiêu chí về từ vựng bài nói IELTS	Tiêu chí về từ vựng bài viết IELTS
9	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng sử dụng từ vựng linh hoạt và chính xác về mọi đề tài - Sử dụng thành ngữ một cách tự nhiên và chính xác 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng từ vựng rất tự nhiên và tinh tế; hiếm lỗi nhỏ.
8	<ul style="list-style-type: none"> - Có nguồn từ vựng phong phú và thể hiện đúng sắc thái biểu cảm - Sử dụng từ ít phổ biến một cách tinh xảo, ít mắc lỗi - Khả năng diễn giải tốt đạt mức yêu cầu 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ vốn từ vựng - Thể hiện chính xác và linh hoạt ý tưởng. - Sử dụng từ ít phổ biến một cách khéo léo và thi thoảng có mắc lỗi trong việc chọn từ. - Mắc ít lỗi về chính tả và tạo từ.
7	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng từ vựng linh hoạt để thảo luận đa dạng các vấn đề - Sử dụng từ ít phổ biến và cụm thành ngữ và biết cách sử dụng các từ thường đi cùng nhau cũng như sắc thái biểu cảm - Khả năng diễn giải tốt 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ nguồn từ vựng để thể hiện linh hoạt và chính xác. - Sử dụng từ ít phổ biến có sự nhận thức về văn phong và từ vựng. - Có thể thi thoảng mắc lỗi trong việc chọn từ, chính tả và tạo từ.
6	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ từ vựng để thảo luận đề tài và diễn đạt rõ ý mạch dẫu còn mắc lỗi - Nói chung diễn đạt khá thành công 	<ul style="list-style-type: none"> - Có đủ nguồn từ vựng - Có nỗ lực sử dụng từ ít phổ biến và mắc vài lỗi. - Mắc vài lỗi trong chính tả và tạo từ nhưng không ảnh hưởng lớn đến thông điệp bài viết.
5	<ul style="list-style-type: none"> - Cố gắng để nói về các chủ đề quen thuộc và mới lạ tuy nhiên khả năng từ vựng còn hạn chế - Có nỗ lực trong việc diễn giải nhưng lúc thành công lúc không 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng từ vựng còn hạn chế, chưa thỏa mãn yêu cầu tối thiểu. - Mắc lỗi lớn về chính tả, tạo từ gây khó hiểu cho độc giả.
4	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng nói về các đề tài quen thuộc nhưng chỉ có thể diễn đạt các từ cơ bản với chủ đề mới lạ và mắc lỗi thường xuyên trong cách chọn từ - Ít khi diễn giải 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ sử dụng được từ vựng cơ bản lặp đi lặp lại. - Không có đủ vốn từ vựng - Hạn chế về tạo từ và chính tả gây khó hiểu cho độc giả.
3	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng từ vựng đơn giản để khi cung cấp thông tin cá nhân - Chưa có đủ nguồn từ vựng cho các chủ đề mới lạ 	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng hạn chế từ và thành ngữ cũng như không kiểm soát được lỗi tạo từ và chính tả. - Có thể bóp méo ý tưởng
2	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ đưa ra các từ vựng rời rạc và học thuộc các cụm từ 	<ul style="list-style-type: none"> - Rất hạn chế về mặt từ vựng, không kiểm soát được việc tạo từ, và chính tả.

dạng và phong phú cũng với cách sử dụng các từ thường đi với nhau một cách chính xác, ta thường nói: *"the lions roar"* chứ không nói *"the lions shout"* và sử dụng đúng sắc thái biểu cảm của từ như *"laid back"*, *"inactive"*, *"lazy"* hay *"slim"*, *"thin"* và *"skinny"* có sắc thái biểu cảm khác nhau.

3. Các biện pháp chính đã được áp dụng giảng dạy ở Trường Đại học Giao thông Vận tải nhằm thỏa mãn các tiêu chí về từ vựng của bài nói và viết IELTS

Gồm 2 biện pháp chung đã được giới thiệu để thỏa mãn tiêu chí về từ vựng của bài nói và viết IELTS, đó là yêu cầu sinh viên nắm bắt rõ các yêu cầu cụ thể của tiêu chí nguồn từ vựng và tự nâng cao vốn từ vựng của mình theo sự hướng dẫn và hỗ trợ của giảng viên. Việc áp dụng các giải pháp chung này được thực hiện dựa theo nghiên cứu cách thức học từ vựng hiệu quả của Cole (2015), gồm có 10 bước như: sắp xếp thời gian cho việc học từ vựng, thụ động và chủ động với cách học từ vựng IELTS, học cách đánh vần, học đúng từ vựng học thuật và các trường từ vựng, học từ

theo cụm từ và các từ đồng nghĩa, nghe chủ động và áp dụng từ vào kĩ năng nói, và ôn lại từ cũ khi học từ mới. Bên cạnh đó, các biện pháp cụ thể cũng đã được áp dụng như:

3.1. Nâng cao khả năng sử dụng thành ngữ một cách thành thạo và tự nhiên:

3.1.1. Học các cụm thành ngữ phổ biến và áp dụng chúng vào ba phần của bài nói IELTS một cách hợp lí và tự nhiên. Tuy nhiên, không nên học thuộc quá nhiều thành ngữ để thể hiện trong bài nói vì đó là lỗi nhiều thí sinh mắc phải. Chỉ nên sử dụng thành ngữ khi các bạn đã hiểu rõ bối cảnh và khi chúng được sử dụng bạn phải đảm bảo 100% có thể sử dụng chúng một cách chính xác. Ví dụ:

Giám khảo: *What flowers do you like?*

Thí sinh: *Well, my favourite flower is Rose. I guess that because I'm really into bright and bold colors like red...*

Trong câu thành ngữ trên, thí sinh sử dụng cụm thành ngữ: *"I'm really into"* một cách mượt mà, tự nhiên; vậy, để chuẩn bị lượng từ vựng phong phú, thí sinh

nên nắm rõ cách sử dụng những thành ngữ phổ biến trong thi IELTS mà chủ đề nào cũng có thể áp dụng được. Tuy nhiên, nên loại bỏ những cụm thành ngữ đã lỗi thời hoặc bị sử dụng quá nhiều như: “I’m crazy about...”, “raining cats and dogs” hay “piece of cake”...

3.1.2. Xây dựng, sưu tầm thành ngữ theo từng chủ đề riêng biệt, mỗi tuần một chủ đề từ quen thuộc đến xa lạ như gợi ý của Sazzad, C. (2016). Ví dụ khi tả người, các thành ngữ sau có thể được áp dụng: “fresh as a daisy”, “couch potato”, “full of beans”, “a bad egg”, “down to earth”, “eager beaver”, “party pooper” hay “get a second wind”...

3.2. Phát triển khả năng diễn giải:

3.2.1. Tìm từ đồng nghĩa, từ ít phổ biến. Thí sinh không nên nhắc lại nguyên xi câu hỏi của đề bài khi thi nói và viết IELTS, mà phải diễn đạt lại bằng các từ tương đương. Để đạt điểm số cao, khi tìm từ đồng nghĩa, chúng ta nên sử dụng từ ít phổ biến để tạo ấn tượng với giám khảo về vốn từ vựng của mình. Ví dụ:

Giám khảo: “Is your country’s **food healthy?**”
Thí sinh: “Yes, I think my country’s **cuisine** is very **nutritious.**”

Để tìm được từ đồng nghĩa, có thể sử dụng từ điển thesaurus.com, synonyms.com hay merriman.webster để tham khảo. Tuy nhiên, khi tra từ đồng nghĩa, có thể tìm thấy khá nhiều từ với ngữ nghĩa rất khác nhau; vì vậy, nên dùng Từ điển Oxford để tra cứu các ví dụ cụ thể của từ định sử dụng; thậm chí, người học có thể nói chuyện với người bản ngữ thông qua các trang web như: Pen Pal, Italki, Speaking 24.com để sử dụng từ đúng và chính xác hơn.

3.2.2. Thay đổi hình thái từ và trật tự từ

Ví dụ: *Smoking is harmful to your health.*

= *Smoking does your health harm.*

3.2.3. Thay đổi cấu trúc câu bằng cách chuyển từ câu chủ động sang bị động hay ngược lại hoặc kết hợp các mệnh đề có mối quan hệ với nhau.

Ví dụ: *Using mobilephones while driving can cause some serious accidents.*

= *Some serious accidents can be caused by using mobilephones while driving.*

3.2.4. Phương pháp Quên - Giải thích: được áp dụng trong kỹ năng nói

Quy tắc 1: Diễn giải để giám khảo (người nghe) biết là bạn đang quên mất từ bằng cách dùng các câu sau:

Actually, I can't seem to remember the word.

Let me try to put it into plain words

or Let me to explain what I mean here.

Quy tắc 2: Sử dụng các câu sau để giải thích từ: Các cụm từ gợi ý nên sử dụng khi diễn đạt theo cách này:

It's like a...../It's actually something like a.....

It's something you use to...

It's a way.....

It's a kind of.....

In some ways it's similar to

Well what it is.....

3.3. Phát triển khả năng sử dụng từ vựng đa dạng và hiệu quả: Khi thi viết hay nói, kỹ năng nào cũng đòi hỏi số lượng từ vựng phong phú, đa dạng nên thí sinh lưu ý không nên sử dụng từ vựng quá đơn giản, dễ, hay ở cấp độ thấp mà hãy tìm kiếm thể hiện mình bằng các từ mới ở cấp độ cao hơn. Ví dụ, khi giám khảo hỏi: “What kind of sports do you like?”, nếu thí sinh chỉ đơn thuần trả lời là: “I don't like soccer because it's bad” thì không thể nhận được điểm cao.

3.3.1. Phát triển vốn từ vựng theo chủ đề: sử dụng cây từ vựng, sơ đồ tư duy hay xây dựng chủ đề từ vựng

3.3.2. Nâng cao và cải thiện vốn từ về các từ, cụm từ thường đi với nhau, cụ thể:

Bước 1: Để ý đến cụm từ thường đi với nhau. Nếu phải nói hay viết về một chủ đề cụ thể nào thì hãy tìm kiếm sách, báo, tạp chí về chủ đề đó và gạch chân dưới cụm từ mà các tác giả đã sử dụng. Nghiên cứu cách sử dụng chúng trong bối cảnh đó và hãy thêm vào vở ghi nhớ của mình.

Bước 2: Sử dụng từ điển cụm từ thường đi với nhau, hữu ích nhất là quyển **Oxford Collocations Dictionary**. Hoặc nếu không có từ điển đó, người học có thể sử dụng Từ điển Oxford bản in hay online để tra bất kỳ từ nào và các từ thường đi với chúng.

Bước 3: Khi học từ vựng, hãy học cả cụm từ, không nên học riêng lẻ từng từ một. Ví dụ thay cho việc học từng từ như “insist” bạn hãy học cả cụm như “insist on doing something” hoặc khi học từ “effort” bạn nên học “make an effort.”

3.3.3. Nâng cao khả năng sử dụng từ đúng sắc thái biểu cảm. Học để đánh giá sự khác biệt tinh vi giữa các từ là rất quan trọng vì nhìn chung kiểm tra ngôn ngữ cũng là một cách đánh giá chất lượng giao tiếp. Xây dựng vốn từ vựng là công cuộc của cả đời của mỗi chúng ta vì “Mọi thứ bắt đầu từ ngôn ngữ.” Ví dụ cùng có nghĩa là “gầy” nhưng “thin”, “slim” và “skinny” lại không hoàn toàn giống nhau về mặt sắc thái biểu cảm.

Phương pháp của tác giả Lorcher (2008) đã được áp dụng trong bối cảnh này, trong đó việc đầu tiên là chọn lọc ra các từ có sự khác biệt rõ về sắc thái biểu

cảm để giúp sinh viên phân biệt được khi dùng như “chef vs. cook”; “teacher vs. professor”; “promiscuous vs. slutty” hay “ambitious vs. greedy”... Sau đó, giảng viên có thể phát phiếu từ vựng gồm nhiều từ có ý nghĩa sắc thái khác nhau và hướng dẫn sinh viên luyện tập như sau:

Bước 1: Chia bảng thành 3 cột bao gồm các từ mang ý nghĩa tiêu cực, mang ý nghĩa tích cực và trung tính.

Bước 2: Giới thiệu yêu cầu về cốt chuyện cần phải nói.

Bước 3: Hướng dẫn nửa nhóm bên này kể chuyện dùng từ tích cực và nửa nhóm còn lại kể chuyện dùng từ mang nghĩa tiêu cực.

Bước 4: Chỉ định thành viên của nhóm kể tóm tắt lại câu chuyện và góp ý nhận xét về cách sử dụng từ vựng ảnh hưởng đến câu chuyện như thế nào.

Trên đây, chúng tôi đã giới thiệu một số chiến lược phát triển vốn từ vựng để đạt điểm thi nói và viết cao thỏa mãn tiêu chí nguồn từ vựng của bài nói và viết IELTS. Hi vọng đây sẽ là một nguồn tài liệu tham khảo

bổ ích cho sinh viên nhằm cải thiện vốn từ vựng, giúp chất lượng đào tạo tiếng Anh tại các trường đại học ngày càng được cải thiện. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Cole, D. (2015) *Quick tips to improve your scores*. DCIELTS.
- [2] Pell, C. (2016). *IELTS speaking*. IELTS Advantages.
- [3] Lorcher, T. (2008). *Lesson Plan: Connotation vs Denotation for Improved Word Choice*. Ela common core plans.
- [4] Sazzad, C. (2016) IELTS speaking. *IELTS learning and teaching website*.
- [5] Seonaid (2014). *Perfect English Grammar, Vocabulary and Collocation*. English Teaching Forum.
- [6] Wilkins (2015). *The importance of vocabulary*. IELTS journals.
- [7] http://www.academia.edu/7535107/IELTS_Idioms_Improving_IELTS_vocabulary
- [8] <http://ieltsadvantage.com/2015/05/05/idioms-ielts-speaking>
- [9] <http://www.ieltspeaking.co.uk>
- [10] <http://hocielts.vn/effective-paraphrasing-tai-sao-khong>

THẺ LỆ ĐĂNG BÀI BÁO KHOA HỌC

1. Bài gửi đăng trên Tạp chí Giáo dục chưa và không gửi đăng trên các sách, báo, tạp chí khác. Tạp chí không nhận đăng các bài đã đăng trên những ấn phẩm khác và không trả lại các bài không được đăng.

2. Bài viết được trình bày theo trình tự như sau: *tóm tắt* (ý tưởng và nội dung bài báo, tóm tắt bằng tiếng Việt và tiếng Anh, bao gồm cả tên bài báo, không quá 200 từ); *từ khóa* (bằng tiếng Việt và tiếng Anh); *mở đầu* (tóm tắt tình trạng nghiên cứu trong nước và thế giới, tính thời sự của vấn đề nghiên cứu,...); *nội dung bài báo* (trình bày về phương pháp nghiên cứu, phương tiện nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu, kết quả nghiên cứu và thảo luận,...); *kết luận và thảo luận, tài liệu tham khảo*.

3. Bài gửi đăng không quá 5.000 từ, dùng font chữ Times New Roman, cỡ chữ 14, khổ A4 và không quá 10 trang (có thể gửi bản mềm dạng file word và kèm bản in); công thức toán có thể dùng phần mềm Mathtype, công thức hóa học có thể dùng phần mềm ACD/Chem Sketch hoặc Science Helper for Word; hình vẽ rõ ràng, đánh số thứ tự và tên hình vẽ phía dưới hình vẽ; bảng, biểu rõ ràng, đánh số thứ tự và tên bảng, biểu phía trên; tên riêng người, địa phương, thuật ngữ tiếng nước ngoài để nguyên vẹn, không phiên âm sang tiếng Việt; các đoạn trích dẫn trong bài để trong ngoặc kép, in nghiêng.

4. Tài liệu tham khảo để ở cuối bài có đánh số theo thứ tự trích dẫn; có trình tự như sau: Tên tác giả (tên các tác giả cách

nau bởi dấu gạch ngang) (năm xuất bản). *Tên tài liệu tham khảo* (in nghiêng). Tên nhà xuất bản.

Chẳng hạn như sau:

[1] Nguyễn Xuân Bình (2011). *Vấn đề tự học của sinh viên năm thứ nhất Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội hiện nay*. Tạp chí Giáo dục, số 270, tr 57-59.

[2] Đỗ Hữu Châu (1985). *Từ vựng - ngữ nghĩa tiếng Việt*. NXB Giáo dục.

[3] Trần Thị Quốc Minh (1996). *Phân tích tâm lý tình huống có vấn đề trong mối quan hệ giữa giáo viên và trẻ mẫu giáo*. Luận án tiến sĩ. Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[4] Lesh, R - Caylor, B (2007). *Modeling as application versus modeling as a way to create mathematics*. International Journal of Computers for Mathematical Learning, 12, pp. 173-194.

[5] Van de Walle, J. A (2004). *Elementary and middle school mathematics: Teaching developmentally*. Pearson Education Publisher.

5. Họ và tên, học vị, chức danh khoa học, nơi công tác, email và số điện thoại của tác giả cần được ghi ở đầu bài viết, sau tên bài báo.

6. Bài viết xin gửi về Tòa soạn theo địa chỉ: Số 04, Trịnh Hoài Đức, Đống Đa, Hà Nội hoặc qua thư điện tử: tapchigiaoduc@moet.edu.vn.